**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ QUÝ I.2022**

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM CHỌN LỌC**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**

**1.1 Mục tiêu của Quỹ**

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc (“Quỹ”) nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 91/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017. Thời gian phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng từ 18/01/2018 và kết thúc vào ngày 08/02/2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 03 năm 2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đổi tên thành Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc số 05/GCN-UBCK ngày 02 tháng 12 năm 2019.

* 1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **+77.30%** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 3 năm 2021. Thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **+39.79%**

* 1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

Quỹ VFMVSF được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiền gửi tại ngân hàng thương mại, ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

* 1. **Phân loại Quỹ**

Quỹ công chúng dạng mở.

**1.5 Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

* 1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn**

Cao

**1.7 Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 2 tháng 3 năm 2018.

**1.8 Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 355,387,914 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 15,334.25 Đồng Việt Nam, giá trị tài sản ròng của quỹ là 5,449,607,138,288 Đồng Việt Nam.

* 1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

* 1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**1.11 Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2022.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**
   1. **Cơ cấu tài sản quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/03/2022** | **31/03/2021** | **31/03/2020** |
| Danh mục chứng khoán | 93.78% | 98.06% | 87.50% |
| Tài sản khác | 6.22% | 1.94% | 12.50% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

* 1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2022** | **31/03/2021** | **31/03/2020** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 5,449,607,138,288 | 3,073,644,001,617 | 29,463,157,865 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 355,387,914.23 | 280,194,178.32 | 5,681,044.48 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 15,334.25 | 10,969.69 | 5,186.22 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 15,334.25 | 10,969.69 | 8,219.80 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 14,024.32 | 9,737.26 | 5,186.22 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 4.70% | 14.88% | -35.84% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0.81% | 6.75% | -29.04% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 3.89% | 8.13% | -6.80% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A | N/A | N/A |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.08% | 1.30% | 3.61% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 89.51% | 141.43% | 18.76% |

* 1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| 1 năm | 39.79 | 39.79 |
| 3 năm | 90.82 | 24.03 |
| Từ khi thành lập | 53.34 | 11.08 |

* 1. **Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/03/2022** | **31/03/2021** | **31/03/2020** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị | 39.79% | 111.52% | -35.46% |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

Chỉ số VNINDEX gần như đi ngang trong tháng 3, chỉ tăng 0.1% lên 1492 điểm. Chỉ số gần như không phản ứng với sự biến động của thị trường toàn cầu và số liệu vĩ mô tích cực của 2 tháng đầu năm. Thanh khoản tăng 13% lên $1.16 tỷ trên sàn HOSE và tăng 17% lên $1.33 tỷ trên cả 3 sàn.

Những điểm chính của thị trường trong quý 1:

i. VNI đi ngang trong tháng 3 trong bối cảnh chứng khoán toàn cầu biến động vì chiến tranh Ukraine;

ii. Cổ phiếu vốn vóa vừa và nhỏ tiếp tục giao dịch ngược chiều nhóm vốn hóa lớn, trừ một số cổ phiếu trong rổ Diamond ETF;

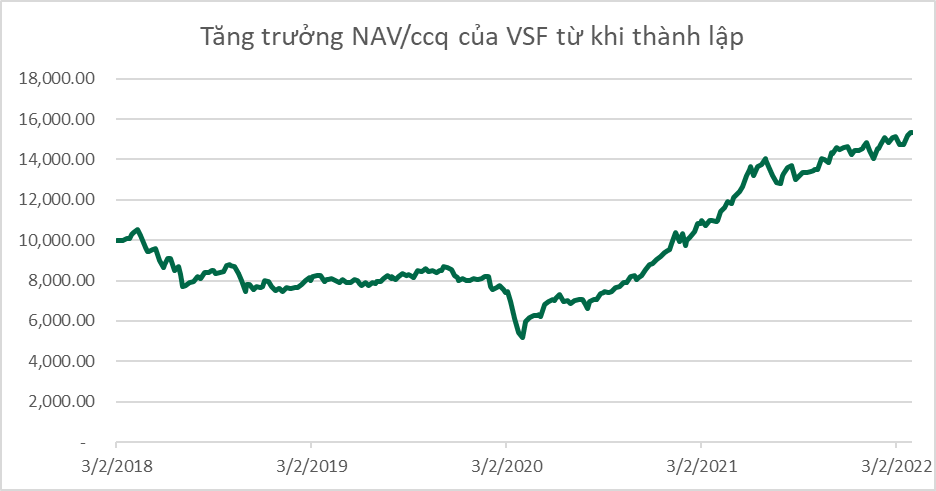
iii. Mùa Đại hội cổ đông đang dần hé lộ bức tranh tích cực của năm 2022. Với mức dự báo thận trọng về tăng trưởng lợi nhuận của các công ty, con số này vẫn đạt mức trung bình 15%.

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**
   1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 25.11% | 61.54% | 46.66% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -20.41% | 39.77% | 6.69% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 4.70% | 101.30% | 53.34% |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | 39.79% | 24.03% | 11.08% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) |  |  |  |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) |  |  |  |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/03/2022**  **(1)** | **31/03/2021**  **(2)** | **Tỷ lệ thay đổi**  **3 = ((1)-(2))/(2)** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 5,449,607,138,288 | 3,073,644,001,617 | 77.30% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 15,334.25 | 10,969.69 | 39.79% |

Trong giai đoạn 31/3/2021 – 31/3/2022, giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ tăng 39.79% nhờ vào đà tăng của thị trường. Ngoài ra, nhờ vào nguồn vốn lớn từ nhà đầu tư, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 77.30% trong cùng kỳ.

**4.2 Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ**  **(%)** |
| Dưới 5.000 | 11 | 24,500.00 | 0.007% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 3 | 15,500.00 | 0.004% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 1 | 12,000.00 | 0.003% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 2 | 180,000.00 | 0.051% |
| Trên 500.000 | 3 | 355,155,914.23 | 99.935% |
| **Tổng cộng** | **20** | **355,387,914.23** | **100.00%** |

* 1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Nền kinh tế Việt Nam tiếp đà hồi phục và khởi sắc trong Quý 1 đạt mức 5%, cao hơn mức 4.7% và 3.7% của cùng kỳ năm 2021 và 2020. Lĩnh vực sản xuất vẫn tiếp tục là đầu tàu kinh tế, tăng 6.8% so với cùng kỳ năm trước, và là cơ sở cho sự tăng trưởng của hoạt động thương mại. Xuất khẩu tăng 13.4% đạt mức $89.1 tỷ và nhập khẩu tăng 15.2% đạt $87.6 tỷ, tương ứng với mức thặng dư $1.5 tỷ 3 tháng đầu năm. Ngành dịch vụ (tăng 4.6% so với cũng kỳ) đã đánh dấu cho sự trở lại ngoạn mục từ tháng 10 năm ngoái và được kỳ vọng trở thành động lực mới dẫn dắt kinh tế phục hồi trong thời gian tới, khi Việt Nam đã mở cửa lại các chuyến bay quốc tế và đặt mục tiêu đón hơn 5 triệu lượt khách nội địa trọng năm 2022. Ngành nông nghiệp, thủy hải sản và lâm nghiệp có sự phân hóa chỉ tăng 2.45% trong Quý 1. Bên cạnh đó, biến chủng Omicron lây lan mạnh trong thời gian vừa qua. Số ca nhiễm mới mỗi ngày tăng vọt trong tháng 2 và tháng 3, đạt đỉnh ở mức 270 ngàn ca vào giữa tháng 3, sau đó giảm dần về khoảng 50 ngàn ca. Tuy nhiên, Việt Nam đã nhanh chóng có những giải pháp để khắc phục những khó khăn do biến chủng mới gây ra. Bên cạnh đó, căng thẳng địa chính trị và chính sách Zero-Covid của Trung Quốc đã làm tăng thêm rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng, gia tăng giá hàng hóa và tác động đến lạm phát. Bất chấp những sự biến động của toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn có một khởi đầu vững chắc và ổn định trong quý 1. Sự ổn định vĩ mô của Việt Nam cũng được đánh giá rất cao bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế uy tín, khi Fitch và Moody’s duy trì tín nhiệm ở mức BB và Ba3 với triển vọng tích cực. Sau khi làn sóng Covid qua đi, chúng tôi tin rằng kinh tế Việt Nam có thể đạt tăng trưởng tốt trong năm nay.

**6. THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

|  | **Tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhân sự điều hành Quỹ** | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Trần Lê Minh | Giám đốc chi nhánh Hà Nội | Thạc sĩ Quản trị Tài chính | Từ 2011 đến 12/03/2021: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc chi nhánh Hà Nội – công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.  -Từ 12/03/2021 đến nay Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| **Ban đại diện Quỹ** | Trần Đắc Sinh | Chủ tịch | Tiến sỹ kinh tế | 1997-1999: Vụ trưởng UBCKNN  1999-2016: Tổng giám đốc/ Chủ tịch Sở giao dịch chứng khoán TPHCM |
| Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | 8/2004-11/2007: kế toán trưởng công ty TNHH Minh Thắng  12/2007 – 4/2012:Kiểm toán viên, trưởng phòng kiểm toán công ty kiểm toán AS.  9/2012-5/2013: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty Hợp danh kiểm toán FA  Từ 2013 đến 2019: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty kiểm toán Đại Tín.  Từ 2019 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Nguyễn Hoàng Khánh | Thành viên | Cử nhân luật  Luật sư | 2015-2018- luật sư tại chi nhánh công ty luật Allens tại Tp.HCM  2018 – nay: luật sư tại Văn phòng đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited |
| **Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ** | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | Từ 30/12/2020 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2022*

**Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

**NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**